

Số: **15** /2021/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **14** tháng **5** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị
cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP
ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng
xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô
chuyên dùng trong lĩnh vực y tế;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số
106-KL/TU ngày 17 tháng 4 năm 2021 về Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại
Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 14; Công văn số 226/HĐND - VP ngày
11 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tiêu
chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn
vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 01/TTr-STC ngày
06 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng được quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 04/2019/NĐ-CP), trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

Các nội dung khác liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng không quy định tại Quyết định này thì được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP và các văn bản của Nhà nước có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị);

b) Doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước);

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô chuyên dùng.

2. Đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, nhiệm vụ đặc thù của ngành, lĩnh vực để phục vụ công tác theo quy định.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi được thành lập mới, theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ hoặc sử dụng phục vụ nhiệm vụ đặc thù, phục vụ yêu cầu nhiệm vụ chính trị - xã hội được trang bị xe ô tô chuyên dùng theo quy định của pháp luật thì đề xuất chủng loại, số lượng, mức giá mua xe cụ thể gửi Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

4. Giao Sở Tài chính căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu công tác của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều này để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định mua sắm.

Điều 4. Điều chỉnh mức giá mua xe ô tô chuyên dùng

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá mua xe ô tô chuyên dùng cao hơn không quá 5% so với mức giá quy định tại Quyết định này đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Trường hợp cần thiết trang bị xe ô tô có giá cao hơn từ trên 5% đến không quá 20% so với quy định tại Quyết định này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp giá xe ô tô chuyên dùng phổ biến trên thị trường tăng trên 20% so với mức giá quy định tại Quyết định này, Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định này cho phù hợp.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế và các cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị mua sắm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, có mức giá mua lớn hơn mức giá tối đa được quy định tại Quyết định này thì giữ nguyên giá mua theo mức giá thực tế đã mua sắm (*không điều chỉnh lại giá mua theo Quyết định này*).

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2021.

2. Thay thế Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Ban hành quy định chủng loại, số lượng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT&TH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KT (XTn 75b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRANG BỊ
TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số **15** /2021/QĐ-UBND ngày **14** / **5** /2021 của UBND tỉnh)

STT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Số lượng tối đa (xe/đơn vị)	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Thực hiện nhiệm vụ
1	Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên	Xe ô tô cứu thương	8	900	Xe trực cấp cứu, vận chuyển bệnh nhân
		Xe ô tô chuyên dùng	1	1.100	Xe phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cao cấp
			1	1.100	Xe phục vụ hoạt động khám, chữa bệnh
2	Bệnh viện Đa khoa Khu vực 333	Xe ô tô cứu thương	3	900	Xe trực cấp cứu, vận chuyển bệnh nhân
		Xe ô tô chuyên dùng	1	900	Xe phòng chống dịch và vận chuyển bệnh nhân
3	Trung tâm huyết học truyền máu	Xe ô tô chuyên dùng	1	1.100	Xe lấy máu
4	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Xe ô tô cứu thương	1	900	Xe vận chuyển bệnh nhân
		Xe ô tô chuyên dùng	1	3.500	Chụp X quang lưu động
			1	900	Xe phòng chống dịch và vận chuyển bệnh nhân

[Chữ ký]

5	Bệnh viện Mắt	Xe ô tô cứu thương	1	900	Xe vận chuyển bệnh nhân
		Xe ô tô chuyên dùng	1	900	Xe khám, chữa mắt lưu động
6	Bệnh viện tâm thần, Bệnh viện y học cổ truyền; Bệnh viện Đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột, Bệnh viện Đa khoa thị xã Buôn Hồ	Xe ô tô cứu thương	2	900	Xe vận chuyển bệnh nhân
7	Trung tâm y tế thành phố Buôn Ma Thuột, Trung tâm y tế thị xã Buôn Hồ	Xe ô tô chuyên dùng	1	900	Xe phòng chống dịch và vận chuyển bệnh nhân
8	Trung tâm Y tế các huyện	Xe ô tô cứu thương	2	900	Xe vận chuyển bệnh nhân
		Xe ô tô chuyên dùng	1	900	Xe phòng chống dịch và vận chuyển bệnh nhân
9	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC)	Xe ô tô chuyên dùng	6	720	Xe phòng chống dịch bệnh, vận chuyển vắc xin, sinh phẩm, phun hóa chất, kiểm tra giám sát dịch bệnh ...
			1	900	Xe phòng chống dịch và vận chuyển bệnh nhân
10	Trung tâm da liễu	Xe ô tô chuyên dùng	1	900	Xe vận chuyển bệnh nhân
11	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, dược phẩm, thực phẩm	Xe ô tô chuyên dùng	1	720	Xe phục vụ lấy mẫu xét nghiệm, kiểm nghiệm
12	Trung tâm Pháp y	Xe ô tô chuyên dùng	1	720	Xe giám định pháp y
13	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm	Xe ô tô chuyên dùng	1	720	Xe vận chuyển mẫu thực phẩm
14	Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình	Xe ô tô chuyên dùng	1	720	Xe phục vụ hoạt động y tế

Phụ lục II
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRANG BỊ
CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Kèm theo Quyết định số **15** /2021/QĐ-UBND ngày **14/5** /2021 của UBND tỉnh)

STT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Số lượng tối đa (xe/đơn vị)	Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Thực hiện nhiệm vụ
I	CƠ QUAN CẤP TỈNH				
1	Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	1.500	Phục vụ nhiệm vụ đặc thù
2	Sở Tài nguyên và Môi trường				
a	Trung tâm Quan trắc TN&MT	Xe ô tô chuyên dùng quan trắc nước	1	1.500	Xe quan trắc môi trường di động
		Xe ô tô chuyên dùng quan trắc khí	1		
b	Chi cục Bảo vệ môi trường	Xe ô tô bán tải	1	720	Phục vụ công tác môi trường
3	Sở Giáo dục và Đào tạo				
a	Trường Cao đẳng Sư phạm	Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	1	3.200	Xe chở sinh viên đi thực tế
b	Trường PTTH dân tộc nội trú Nơ Trang Long	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	1.500	Xe phục vụ học sinh nội trú
c	Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN trẻ khuyết tật	Xe ô tô bán tải	1	720	Xe phục vụ trẻ em khuyết tật hòa nhập
4	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch				
a	Đoàn ca múa Dân tộc	Xe ô tô tải có trọng tải đến 3,5 tấn	1	500	Xe chở thiết bị, sân khấu di chuyển lưu động
		Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	1	3.200	Xe chở diễn viên biểu diễn

b	Trung tâm văn hóa tỉnh	Xe ô tô tải có trọng tải đến 3,5 tấn	1	500	Xe chở thiết bị, sân khấu diển lưu động
		Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	1	3.200	Xe chở diễn viên biểu diễn
c	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh	Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	1	3.200	Xe chở vận động viên đi thi đấu
d	Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng	Xe ô tô bán tải	2	720	Xe chiếu phim lưu động
đ	Trường năng khiếu thể dục thể thao tỉnh	Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	1	3.200	Xe chở vận động viên đi thi đấu
e	Thư viện tỉnh	Xe ô tô bán tải	1	720	Xe chở sách phục vụ thư viện lưu động
g	Bảo tàng tỉnh	Xe ô tô bán tải	1	720	Xe chở hiện vật phục vụ nhiệm vụ đặc thù
5	Sở Khoa học và Công nghệ				
	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Xe ô tô bán tải	1	720	Xe phục vụ kiểm tra về đo lường, chất lượng
		Xe ô tô có gắn cần cẩu	1	2.350	Xe chở thiết bị cân
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội				
a	Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội	Xe ô tô bán tải	1	720	Phục vụ phòng, chống tệ nạn xã hội
b	Trung tâm bảo trợ xã hội	Xe cứu thương hoặc xe ô tô bán tải	1	900	Phục vụ đối tượng bảo trợ
c	Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy	Xe cứu thương hoặc xe ô tô bán tải	1	900	Phục vụ đối tượng điều trị
		Xe ô tô tải có trọng tải đến 5 tấn	1	720	Phục vụ nhiệm vụ đặc thù

d	Trung tâm điều dưỡng người có công	Xe cứu thương hoặc xe ô tô bán tải	1	900	Phục vụ đối tượng người có công
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
a	Chi cục kiểm lâm	Xe ô tô bán tải	2	720	Phục vụ nhiệm vụ đặc thù
b	Các Đội kiểm lâm cơ động và PCCC; các Hạt kiểm lâm	Xe ô tô bán tải	1	720	Xe phục vụ kiểm tra và PCCR
	Các Đội KLCĐ và PCCCR; các Hạt kiểm lâm: Thành phố Buôn Ma Thuột, Buôn Đôn, Krông Bông, Ea H'leo, CưM'gar, Ea Súp, Lắk, Ea Kar, M'Drăk, Krông Năng	Xe tải từ 2,5 tấn hoặc xe ô tô có gắn cần cẩu	1	900	
c	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Chi cục chăn nuôi và thú y, Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chi cục Thủy lợi	Xe ô tô bán tải	1	720	Phục vụ phòng chống dịch bệnh động vật, thực vật, vận chuyển thiết bị kiểm tra chất lượng nông lâm sản và thủy sản, kiểm tra đề điều, hồ đáp thủy lợi
d	Trung tâm Khuyến nông - Giống cây trồng vật nuôi; Trung tâm bảo tồn Voi; Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.	Xe ô tô bán tải	1	720	Phục vụ nhiệm vụ đặc thù
đ	Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	Xe ô tô bán tải	1	720	Phục vụ nhiệm vụ đặc thù

e	Các Ban quản lý rừng: Rừng phòng hộ Buôn Đôn, rừng phòng hộ đầu nguồn Krông Năng, rừng phòng hộ Núi Vọng Phu, Khu bảo tồn Loài sinh cảnh Thông nước, Khu BTTN Ea Sô, rừng đặc dụng Nam Ka, rừng lịch sử văn hóa môi trường Hồ Lắk, Vườn Quốc gia Chư Yang Sin	Xe ô tô bán tải	1	720	Phục vụ nhiệm vụ kiểm tra bảo vệ rừng và PCCR
		Xe tải từ 2,5 tấn hoặc xe ô tô có gắn cần cẩu	1	900	
8	Sở Giao thông vận tải				
	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Xe ô tô bán tải	5	720	Phục vụ nhiệm vụ đặc thù
		Xe ô tô tải	2	2.000	Xe chở thiết bị cân trọng tải
9	Ban An toàn giao thông tỉnh	Xe ô tô bán tải	1	720	Phục vụ nhiệm vụ đặc thù
10	Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh	Xe ô tô bán tải	1	720	Phục vụ nhiệm vụ đặc thù
11	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Xe ô tô truyền hình lưu động (bao gồm máy móc, thiết bị chuẩn HD) – loại lớn	1	32.000	Xe ô tô phục vụ phát thanh và truyền hình
		Xe ô tô truyền hình lưu động (bao gồm máy	1	4.500	

		móc, thiết bị chuẩn HD) – loại nhỏ			
		Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	1.500	Xe chở ê kíp thực hiện Phát thanh - truyền hình lưu động
		Xe ô tô bán tải hoặc ô tô tải 3,5 tấn	1	720	Xe chở trang thiết bị, máy móc phục vụ thu âm, thu hình trực tiếp
12	Trường Cao đẳng Y tế; Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật	Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	1	3.200	Xe chở sinh viên đi thực tế
13	Trường Cao đẳng công nghệ Tây Nguyên	Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	1	3.200	Xe chở sinh viên đi thực tế
		Xe ô tô đến 07 chỗ ngồi	2	720	Xe phục vụ dạy nghề
14	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk	Xe bán tải, xe ô tô đến 7 chỗ ngồi	21	720	Xe phục vụ đào tạo (tập lái)
		Xe ô tô tải đến 10T	4	1.200	
		Xe ô tô đến 7 chỗ ngồi	1	720	Xe phục vụ dạy nghề
		Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	1	3.200	Xe chở học sinh, sinh viên đi thực tế
15	Trường Chính trị	Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	1	3.200	Xe chở học viên đi thực tế
16	Nhà Văn hóa Thanh thiếu nhi	Xe ô tô trên 16-45 chỗ ngồi	1	3.200	Xe phục vụ công tác quản chúng thanh thiếu nhi
17	Ban Chỉ đạo phân giới cắm mốc biên giới	Xe ô tô bán tải	1	720	Xe phục vụ nhiệm vụ đặc thù

II CƠ QUAN CẤP HUYỆN					
1 Thành phố Buôn Ma Thuột					
a	Đội quản lý TTCQ đô thị	Xe ô tô bán tải, xe ô tô tải có trọng tải dưới 2 tấn	2	300	Xe phục vụ trật tự, cảnh quan đô thị
b	Trung tâm văn hóa thể thao du lịch	Xe ô tô bán tải	1	720	Xe phục vụ tuyên truyền văn hóa thể thao quần chúng
c	UBND xã, phường	Xe ô tô bán tải, xe ô tô tải có trọng tải dưới 2 tấn	1	300	Xe phục vụ trật tự, cảnh quan đô thị
2 Các huyện, thị xã còn lại					
a	Phòng Văn hóa - Thông tin	Xe ô tô bán tải	1	720	Xe phục vụ tuyên truyền văn hóa thể thao quần chúng
b	UBND phường, thị trấn (hoặc Đội quản lý trật tự đô thị các huyện chưa thành lập thị trấn)	Xe bán tải hoặc xe ô tô tải có trọng tải dưới 2 tấn	1	300	Xe phục vụ trật tự, cảnh quan đô thị
III DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC					
1	Công ty Xổ số kiến thiết	Xe ô tô bán tải	5	720	Xe phục vụ nhiệm vụ đặc thù
2	Các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp	Xe ô tô bán tải	1	720	Phục vụ nhiệm vụ kiểm tra bảo vệ rừng và phòng, chống cháy rừng
3	Công ty TNHH MTV quản lý công trình thủy lợi; Công ty XNK 2/9	Xe ô tô bán tải	1	720	Phục vụ nhiệm vụ đặc thù